

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG TP.HCM  
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Khởi tạo doanh nghiệp (226184) - Nhóm 10**

Đợt thi: **HK2, ĐỢT 2** Tổ: **001**

Ngày thi: **01/07/2022** Giờ: **07:30**

Phòng thi: **D5-27**

Số SV có mặt: **29**  
Số bài thi: **29**  
Số tờ giấy thi: **39**

Mã nhận dạng: 002246

|                  |                  |
|------------------|------------------|
| Cán bộ coi thi 1 | Cán bộ coi thi 2 |
|                  |                  |
|                  |                  |

| STT | Mã SV      | Họ và tên SV    | Ngày sinh  | Mã lớp   | H. Phi | Số tờ Mã đề | Chữ ký | Đ. QT 40% | Đ. Thi 60% | Điểm HP | Tô đậm vòng tròn cho điện nguyên            |
|-----|------------|-----------------|------------|----------|--------|-------------|--------|-----------|------------|---------|---------------------------------------------|
| 21  | 2121120622 | TRƯƠNG TẤN      | 03/04/2003 | CCQ2112R |        | 1           | Khua   | 7.0       | 5.5        | 6.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 22  | 2121120623 | LƯU NỮ ANH      | 28/09/2000 | CCQ2112R |        | 2           | Khu    | 7.3       | 8.5        | 8.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 23  | 2121120524 | NGUYỄN THỊ BẠCH | 06/09/2003 | CCQ2112O |        | 1           | Kim    | 7.8       | 7.0        | 7.3     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 24  | 2121120585 | HỒNG THỊ KIM    | 26/07/2003 | CCQ2112Q |        | 1           | Kim    | 7.8       | 3.5        | 5.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 25  | 2121120574 | TRẦN QUỐC       | 23/04/2002 | CCQ2112Q |        | 2           | Khu    | 7.3       | 6.0        | 6.5     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 26  | 2121120582 | NGUYỄN VĂN      | 27/07/2003 | CCQ2112Q |        | 1           | Khu    | 8.2       | 4.5        | 6.0     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 27  | 2121120447 | VONG LÊ         | 11/12/2003 | CCQ2112M |        | 1           | Khu    | 5.5       | 5.0        | 5.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 28  | 2121120568 | TRIỆU TIẾN      | 09/07/1999 | CCQ2112Q |        | 1           | Muoi   | 7.3       | 7.0        | 7.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 29  | 2121120610 | BÙI THỊ THIÊN   | 11/03/2003 | CCQ2112R |        | 1           | Khu    | 8.2       | 6.0        | 6.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 30  | 2121120598 | NGUYỄN THÚY     | 26/10/2003 | CCQ2112R |        | 2           | Ngân   | 7.8       | 6.0        | 6.7     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 31  | 2121120632 | HỒ THỊ NGỌC     | 12/02/2002 | CCQ2112R |        | 2           | Ngoc   | 8.2       | 6.5        | 7.2     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 32  | 2121120628 | LÊ KIM          | 17/12/2003 | CCQ2112R |        | 2           | Ngoc   | 7.7       | 8.0        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 33  | 2121120589 | NGUYỄN HỒNG     | 01/03/2003 | CCQ2112Q |        | 1           | Ngoc   | 7.1       | 3.5        | 4.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 34  | 2121120018 | LÃ PHƯƠNG       | 14/02/2001 | CCQ2112A |        | 1           | Khu    | 7.4       | 6.5        | 6.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 35  | 2121120611 | NGUYỄN THỊ YẾN  | 12/11/2003 | CCQ2112R |        |             |        | 8.2       |            |         | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 36  | 2121200059 | NGUYỄN THỊ YẾN  | 15/11/2003 | CCQ2120B |        | 1           | Khu    | 7.7       | 8.0        | 7.9     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |
| 37  | 2121120639 | PHAN LÊ UYÊN    | 20/12/2003 | CCQ2112Q |        | 1           | Khu    | 7.1       | 5.5        | 6.1     | (V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) |